

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PRODENTIAL VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PRODENTIAL VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PRODENTIAL VIET NAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108740056

**3. Ngày thành lập:** 14/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2-4 Nguyễn Hữu Huân, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916.802.099

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                    | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)     | 1812     |
| 3.  | Lập trình máy vi tính                               | 6201     |
| 4.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính | 6202     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | <p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin.</li> <li>- Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin.</li> <li>- Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật.</li> <li>- Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử.</li> <li>- Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin.</li> <li>- Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu.</li> <li>- Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin.</li> <li>- Dịch vụ phần cứng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn, trợ giúp khách hàng lắp đặt sản phẩm phần cứng;</li> <li>+ Phân phối, lưu thông các sản phẩm phần cứng;</li> <li>+ Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành sản phẩm phần cứng;</li> </ul> </li> <li>- Dịch vụ phần mềm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;</li> <li>+ Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm;</li> <li>+ Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;</li> <li>+ Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;</li> <li>+ Dịch vụ tích hợp hệ thống;</li> <li>+ Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;</li> <li>+ Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm;</li> </ul> </li> <li>- Dịch vụ nội dung thông tin số: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dịch vụ phân phối, phát hành sản phẩm nội dung thông tin số;</li> <li>+ Dịch vụ nhập, cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ và xử lý dữ liệu số;</li> <li>+ Dịch vụ quản trị, duy trì, bảo dưỡng, bảo hành các sản phẩm nội dung thông tin số;</li> <li>+ Dịch vụ chỉnh sửa, bổ sung tính năng, bản địa hóa các sản phẩm nội dung thông tin số;</li> </ul> </li> </ul> | 6209        |
| 6.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6311        |
| 7.  | Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6312        |
| 8.  | Quảng cáo (Trừ hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310(Chính) |
| 9.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7320        |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410        |

|     |                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------|------|
| 11. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ hoạt động của phóng viên ảnh) | 7420 |
|-----|-----------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 990.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGÔ TRỌNG THỊNH   | Số nhà 16B, ngõ 168 đường Thúy Lĩnh, Tổ 33, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 148.500    | 1.485.000.000         | 15,000    | 027080000267                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                         | Tổng số           | 148.500    | 1.485.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG QUYẾT CHIẾN | Số 16A ngách 16 ngõ 256 Bạch Đằng, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 148.500    | 1.485.000.000         | 15,000    | 013428501                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                         | Tổng số           | 148.500    | 1.485.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG THỊ ĐIỆP    | Số nhà 16B, ngõ 168 đường Thúy Lĩnh, Tổ 33, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 445.500    | 4.455.000.000         | 45,000    | 040178000350                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                         | Tổng số           | 445.500    | 4.455.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | HOÀNG THỊ HIỀN    | Khối Thân Ái, Phường Quỳnh Phương, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 148.500    | 1.485.000.000         | 15,000    | 186046272                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                         | Tổng số           | 148.500    | 1.485.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | HOÀNG CHIẾN SỸ    | Khối Thân Ái, Phường Quỳnh Phương, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 99.000     | 990.000.000           | 10,000    | 186836103                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                         | Tổng số           | 99.000     | 990.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG THỊ HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 186046272

Ngày cấp: 06/04/2015

Nơi cấp: CA Tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khối Thân Ái, Phường Quỳnh Phương, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 209, tòa nhà 15T2, Dự án 310 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội